

**Vận Động Chính Trị Của Người Việt ở Mỹ và ảnh hưởng Đối Với Tranh Chấp Biển Đông (Tạp chí "Quan hệ quốc tế hiện đại", Trung Quốc, số 6/2011)**

**LỜI DẪN** - Mời đây, tập san Các vấn đề quốc tế ở Hà Nội, số ra tháng 10/2011, có cho dịch và đăng lại một bài nghiên cứu khá cặn kẽ của Trung Cộng đăng trên tạp chí Quan hệ quốc tế hiện đại của Trung quốc, số ra tháng 6/2011, viết về cộng đồng người Việt trên đất Mỹ và ảnh hưởng của họ đối với chính sách của Mỹ về tranh chấp Biển Đông. Mặc dầu ngôn ngữ bài viết có thể phản cảm đối với chúng ta (tỷ như cho người Việt ở Mỹ là "chống lại tổ quốc," thậm chí lại còn mô tả là "phản quốc", nhưng có lẽ chỉ với dụng ý là người Việt hải ngoại chống lại chế độ ở quê nhà, hoặc gọi Việt Nam là "mẫu quốc" của chúng ta, lẽ ra chỉ nên gọi là "quê hương đất tổ" mà thôi) nhưng nói chung, bài viết có thể xem được là khá khách quan dựa trên những con số và những dữ kiện có thật, thuộc loại "nói có sách, mách có chứng." Dù ta đồng ý hay không với những nhận định và kết luận của bài viết, đây cũng là một bài viết có cơ sở và lạ thay, đánh giá khá tích cực vai trò của người Mỹ gốc Việt trong cuộc vận động về Biển Đông bên cạnh chính quyền Mỹ. Những đoạn in chữ nghiêng là do chúng tôi nhấn mạnh để lưu ý độc giả.

*(Người Biên Tập - NBT)*

Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, ảnh hưởng từ [các] nhóm lợi ích trong các quyết sách ngoại giao của Mỹ ngày càng gia tăng, dẫn đến sự vận động chính trị của các nhóm dân tộc ít người cũng tích cực hơn. Một trong những hậu quả là nhóm dân tộc ít người vận động chính trị không chỉ gây ảnh hưởng đối với lợi ích quốc gia trong thực tế hoặc trong tư tưởng của mẫu quốc (quê hương), mà còn gây ảnh hưởng đến lợi ích của nước thứ ba, đến quan hệ giữa Mỹ, mẫu quốc (quê hương họ) với nước thứ ba. Nói cách khác, nhóm vận động chính trị của dân tộc ít người không những đang ngày càng vượt khỏi mối quan hệ song phương giữa Mỹ và mẫu quốc mà còn gây ảnh hưởng quốc tế với phạm vi rộng lớn hơn. Sự vận động chính trị [của] người Mỹ gốc Việt là một điển hình.

Những người này chủ yếu là "dân tị nạn", "thuyền nhân", và "dân di cư" sau năm 1975. Nhóm người này mặc dù vẫn có tư tưởng chống Việt Nam, nhưng không kiên quyết và triệt để như người Mỹ gốc Cuba. Họ không phản đối bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ, không có ý đồ kìm hãm sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Tuy tâm lý phức tạp này đã hạn chế hiệu quả tâm lý vận động chính trị của họ, nhưng họ lại có hành động nhất trí tích cực trong vấn đề tranh chấp Nam Hải (Biển Đông), làm cho ảnh hưởng của họ nâng cao rõ rệt: Người gốc Việt ở Mỹ có ý đồ tác động lên chính sách Nam Hải của Mỹ và Việt Nam. Từ cuối thập niên 50 thế kỷ trước, họ đã từng tác động ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ và Việt Nam về vấn đề Nam Hải. Những năm gần đây, việc làm của họ đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyết sách can dự toàn diện vào Nam Hải của Mỹ. Đồng thời, họ đã trở thành tấm gương trong số dân di cư gốc Đông Nam Á khác tại Mỹ lên tiếng về quyền lợi Nam Hải.

## **1. Đặc trưng dân số ảnh hưởng đến nhóm vận động chính trị người Việt**

Giống như các nhóm dân tộc ít người vận động chính trị khác, trước hết là đặc điểm thành phần cơ cấu của nhóm vận động chính trị gốc Việt ở Mỹ mang tính quyết định.

Lịch sử của họ trên đất Mỹ không dài: Mặc dù trước năm 1975, một số dân di cư người Việt đã đến Mỹ, nhưng số lượng rất ít, chủ yếu là sinh viên và một số phụ nữ Việt lấy chồng Mỹ cùng một số quân nhân Nam Việt Nam được Mỹ đào tạo. Sau khi Chiến tranh Việt Nam kết thúc năm 1975, rất nhiều người Việt đã di cư ồ ạt sang Mỹ. Trong hơn 30 năm qua, số lượng người Việt ở Mỹ tăng nhanh, trở thành dân tộc có quy mô lớn về dân số trong số người Mỹ gốc châu Á và có ảnh hưởng quan trọng đến xã hội Mỹ. Theo số liệu năm 2006 của Cục Thống kê dân số Mỹ, nước Mỹ có khoảng 1.5 triệu người Việt. Số lượng người Việt ở Mỹ chỉ đứng sau người gốc Hoa, gốc Ấn Độ, và Philippine, đứng thứ tư trong số các dân tộc châu Á ở Mỹ. Về tổng thể, quá trình di cư của người Việt tại Mỹ có thể chia ra thành ba đợt. Đặc điểm của nhóm người Việt ở Mỹ có liên quan đến vấn đề này.

Làn sóng dân di cư người Việt đầu tiên gọi là "dân tị nạn", **họ rời khỏi Việt Nam chủ yếu xuất phát từ tâm lý "sợ hãi" (\*) bị hãm hại và trấn áp về chính trị sau khi đất nước thống nhất**. Nhóm người này đều đến Mỹ sau tháng 4/1975 khi Sài Gòn được giải phóng và Việt Nam thống nhất đất nước. Họ đều có địa vị kinh tế xã hội khá cao. Chỉ trong vòng 8 tháng (từ tháng 4-12/1975), số dân tị nạn người Việt sang Mỹ lên tới hơn 129,000, rải khắp 5 [tiểu] bang của Mỹ. Trong nhóm người này, nhiều người là quan chức cấp cao của chính phủ và quân đội miền Nam Việt Nam. Nhiều người trong số họ có quan hệ hợp tác gần bó với người Mỹ như thư ký, phiên dịch, chuyên gia tình báo, nhân viên truyền thông.... Theo một cuộc điều tra, 47.8% có trình độ tốt nghiệp cấp 3, 22.9% học qua đại học, 7.2% là bác sĩ, 24% làm công tác chuyên môn kỹ thuật và quản lý, chỉ có 4.9% là nông dân và ngư dân. Nếu xét ở thời kỳ ấy, hơn 60% dân Việt Nam là nông dân thì có thể thấy số dân di cư đợt này chủ yếu là tầng lớp tinh hoa.

Làn sóng di cư thứ hai được gọi là "thuyền nhân", trong đó phần lớn là "Kiều dân" (Hoa kiều). Họ di cư cũng vì nguyên nhân chính trị. Sau khi Việt Nam bắt đầu thực hiện bá quyền khu vực từ năm 1978, nhiều người bị đối xử bất công đã tìm cách rời khỏi Việt Nam. Họ đi bằng thuyền hoặc đi bộ nên được gọi là "thuyền nhân". Họ đi qua Campuchia rồi sang Thái Lan, sau đó đến các trại tị nạn ở Mã Lai, Indonesia [Nam Dương], Hồng Kông, Thái Lan, hoặc Philippine. Cuối cùng, họ được Mỹ, Canada, Australia, và một số ít nước Tây Âu coi là "dân tị nạn" và có tư cách hợp pháp. Trong khoảng thời gian từ năm 1976-1988, "thuyền nhân" Việt Nam sang Mỹ lên tới gần 500,000 người. Điều cần phải chỉ rõ là nhiều "thuyền nhân" thực tế là Hoa kiều nhập quốc tịch Việt Nam. Trong thời kỳ này, do quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc xấu đi, đặc biệt là sau chiến tranh biên giới Trung - Việt năm 1979, chính phủ Việt Nam bắt đầu xua đuổi hàng loạt Hoa kiều quốc tịch Việt Nam. Chính sách này [được] liên tục thực hiện trong vài năm, hàng trăm nghìn người Hoa đã bị đuổi khỏi Việt Nam. Mặc dù nhiều người Hoa quay về Trung Quốc, nhưng có một bộ phận khá đông phiêu bạt khắp thế giới, trong đó nước Mỹ là nơi họ đến đông nhất. Trong thời kỳ này, 300 nghìn người Hoa đã đến Mỹ. Theo số liệu của Cục Thống kê dân số Mỹ, tính đến năm 2000, số người này là 390,000 người.

Làn sóng dân di cư thứ ba là họ hàng thân thuộc của những người di cư trong hai đợt trên hoặc con lai của quân nhân Mỹ tại Việt Nam. Họ đến Mỹ từ cuối những năm 80 đến thập niên 90 của thế kỷ XX. Sau khi nhóm người Việt trong hai đợt đến Mỹ và có được tư cách hợp pháp, họ đã đặt vấn đề làm thế nào để đưa thân nhân của họ sang Mỹ thành chương trình nghị sự của Chính phủ Mỹ. Để tránh những hiểm nguy to lớn trên đường mà những người di cư trong hai đợt trên gặp phải, Mỹ và các nước khác đã xây dựng chương trình cho phép họ rời Việt Nam đến trực tiếp Mỹ và các nước khác. Ở Mỹ, đây là "Chương trình ra đi có trật tự" [tức ODP, *[viết]* tắt cho Orderly Departure Program. *NBT ghi chú*]. Tính đến năm 1998, chương trình này đã tiếp nhận 362,000 dân di cư Việt Nam. Cũng vào thời gian đó, Mỹ đã thực hiện hai chương trình được coi là khoản bồi thường cho "đồng minh Nam Việt Nam" thời chiến tranh, đó là "chương trình nhân đạo" ["Humanitarian Program" hay còn gọi là H.O, *[viết]* tắt cho "Humanitarian Operation Program". *NBT ghi chú*] và "Chương trình người châu Á ở Mỹ" ["Amerasian Program". *NBT ghi chú*] còn được gọi là "Luật người Mỹ hồi hương" ["Amerasian Homecoming Act". *NBT ghi chú*]. Quốc hội Mỹ đã thông qua luật này vào năm 1988 và năm 1989 bắt đầu thực thi, trọng điểm được quan tâm của luật này là giúp con cái binh lính Mỹ và thân nhân của họ ở Việt Nam trở về Mỹ. Tính đến năm 2000, chương trình này đã tiếp đón 84,000 người. So với số người di cư trong hai đợt đầu, thành phần lần này phức tạp hơn. Họ thường có hiểu biết nhiều về xã hội và có kinh nghiệm đấu tranh, thường xuyên tổ chức ra các nhóm cánh hữu và tụ tập người Việt Nam di cư sang Mỹ và sống rải rác khắp thế giới tham gia vào "sự nghiệp chống cộng".

Do cao trào ba đợt di cư kể trên, người gốc Việt ở Mỹ có một số đặc điểm về cơ cấu, đồng thời thực tiễn vận động chính trị của họ đã có ảnh hưởng quan trọng. Trước hết, động cơ của dân di cư chủ yếu xuất phát từ tính toán chính trị, do đó họ có lập trường chính trị khá bảo thủ, đa số ủng hộ Đảng Cộng hoà Mỹ có lập trường chống cộng. Chẳng hạn, theo điều tra lần đầu tiên vào năm 2000, 600 người Việt được hỏi ở Quận Cam coi nhiệm vụ "chống cộng" là công việc "quan trọng hàng đầu" hoặc "vô cùng quan trọng".

Thứ hai, giống như các dân tộc ít người khác ở Mỹ, người Việt cư trú khá tập trung, đã nâng cao được tầm quan trọng của họ về chính trị. Mặc dù ngay từ đầu, chính phủ Mỹ đã thực hiện chính sách phân tán người Việt, nhưng chính sách này nhanh chóng bị phá sản do họ chủ động ở tập trung với nhau. Ngay từ năm 1982, người Việt ngày càng tập trung nhiều ở Quận Cam [thuộc tiểu] bang California, đặc biệt là khu vực Garden Grove, được mệnh danh là "Tiểu *[Little]* Sài Gòn". Đây được coi là "thủ đô của người Việt lưu vong". Hiện nay, người Việt chủ yếu sống tập trung ở một số nơi như khu vực Galena, Texas, New York....

Cuối cùng, địa vị kinh tế xã hội của người Việt không cao. Điều này không có lợi cho việc tăng cường hoạt động vận động chính trị. Mặc dù địa vị kinh tế xã hội của nhóm người di cư đợt đầu khá cao nhưng địa vị kinh tế xã hội của hai nhóm người di cư đợt sau lại kém xa. Những người Việt Nam mới đến Mỹ do những nguyên nhân như cơ sở kinh tế kém, trình độ ngôn ngữ hạn chế nên phần lớn phải chọn công việc thu nhập không cao. Sau

năm 1990, địa vị kinh tế của người gốc Việt nâng lên nhanh chóng. Chẳng hạn như [tiểu] bang Massachusetts, đến năm 2007, bình quân thu nhập của một gia đình gốc Việt là 57,000 USD/năm, bình quân thu nhập đầu người là 23,000 USD/năm, nhưng vẫn thấp hơn bình quân thu nhập của một gia đình người gốc châu Á ở Mỹ là 69,000 USD/năm và 30,000 USD/năm một đầu người.

## 2. Thực tiễn vận động chính trị của người Việt ở Mỹ

Đặc điểm lập trường chính trị của người Việt khá bảo thủ và dân cư sống tập trung với nhau nên họ có ảnh hưởng chính trị nhất định. Tuy nhiên, địa vị kinh tế của họ lại không được cao đã hạn chế họ phát huy ảnh hưởng chính trị ở mức độ nhất định. Đúng như một học giả đã nói: "Từ sự tương phản rõ ràng trong quan hệ Mỹ - Cuba và quan hệ Mỹ - Việt, có thể phát hiện sự khác biệt giữa người Mỹ gốc Cuba với người Mỹ gốc Việt. Đó là sự tồn tại của "quy tắc đồng tiền"; "ai có tiền và cho tiền thì kẻ đó có thể nắm giữ các quy tắc". Do đó, Mỹ có thể tiếp tục cứng rắn với Cuba, nhưng lại cởi mở với Việt Nam. Vì vậy có thể thấy, việc vận động chính trị của người [Mỹ] gốc Việt thể hiện trạng thái tâm lý "hai mặt", giữa vận động tích cực và **phản quốc(\*)** một cách điển hình.

Do lịch sử di cư sang Mỹ như vậy nên việc vận động chính trị của người gốc Việt chủ yếu bắt đầu từ sau năm 1975. Đương nhiên, trong hoảng thời gian từ năm 1955-1975, chính quyền Việt Nam Cộng Hoà, đặc biệt là chính quyền Ngô Đình Diệm đã xây dựng một lực lượng vận động chính trị lớn, [1] tạo cơ sở để vận động chính trị về sau. Tuy nhiên, vào thời kỳ ấy, vận động chính trị phần nhiều là để thúc đẩy mạnh mẽ sự nhiệt tình chống cộng vốn có của người Mỹ. Vì vậy, vận động chính trị của người Việt chỉ có thể chính thức được mở rộng khi có đông đảo người Việt Nam di cư sang Mỹ sau năm 1975. Các cuộc vận động chính trị của người Việt tại Mỹ có thể chia làm hai giai đoạn: trước và sau khi hai nước bình thường hoá quan hệ (năm 1995).

Trước năm 1995, do ký ức Chiến tranh Lạnh còn nặng nề và quan hệ Việt - Mỹ đối địch, vận động chính trị của người Việt ở Mỹ mang đặc điểm chống lại Tổ quốc một cách mạnh mẽ. Đa số dân di cư Việt Nam trong thời kỳ này mang tâm lý "chống cộng" quyết liệt, do đó dễ dàng tạo ra sự đồng thuận chính trị mang tính bảo thủ. Tổ chức người gốc Việt ở Mỹ có nhiều nhóm vận động chính trị, nổi tiếng nhất là "Đại hội toàn quốc người Mỹ gốc Việt" [2] [đích thực là "Nghị hội Toàn quốc Người Việt tại Hoa kỳ," [viết] tắt là "Nghị hội". *NBT ghi chú*], "Hiệp hội giáo dục và phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam ở Mỹ" [Trong tiếng Anh là "National Association for the Education and Advancement of Khmer, Lao, and Vietnamese Americans," [viết] tắt là NAFEA. *NBT ghi chú*], "Thuyền nhân SOS" [tức "Boat People S.O.S., Inc". *NBT ghi chú*], "Hiệp hội gia đình tội phạm chính trị" [đích thực là "Hội Gia đình Tù nhân Chính trị VN," trong tiếng Anh là "Families of Vietnamese Political Prisoners Association," viết tắt là FVPPA. *NBT ghi chú*], "Ủy ban hành động chính trị của người Mỹ gốc Việt" [tức "Vietnamese Political Action Committee," [viết] tắt là VPAC. *NBT ghi chú*].... Trong giai đoạn này, thành công của nhóm vận động chính trị thể hiện trên ba phương diện: Trước hết, họ ủng hộ xây dựng Đài Châu Á Tự do.

Bắt đầu từ năm 1985, người Việt đã ra sức thúc đẩy xây dựng Đài Châu Á Tự do, các biện pháp vận động chính trị chủ yếu là viết thư thỉnh nguyện và gặp mặt các đại biểu quốc hội. Trong quá trình biểu quyết một quyết nghị có liên quan đến bình thường hoá quan hệ Mỹ - Việt năm 1994, người [Mỹ] gốc Việt là dân tộc ít người duy nhất trong số các dân tộc ở Châu Á ở Mỹ ủng hộ quyết định này. Thứ hai, họ giành thắng lợi trong việc kiện Bộ Ngoại giao Mỹ. Tháng 3/1994, 250 người Việt đã gửi đơn kiện Bộ Ngoại giao Mỹ, ép Bộ này đánh giá lại chính sách đối với dân di cư là thuyền nhân Việt Nam bị lưu giữ kéo dài ở Hồng Công, không cho đẩy trở lại hoặc buộc họ viết lại đơn xin nhập cư. Cuối cùng, thông qua vận động chính trị đối với các nghị sĩ quốc hội, đặc biệt là bà Leslie Byrne, nghị sĩ [tiểu] bang Virginia, người [Mỹ] gốc Việt đã thành công trong việc thông qua nghị quyết ở quốc hội. Từ đó, ngày 11/5/1994 trở thành "ngày nhân quyền Việt Nam".

Vận động hành lang chống lại Tổ quốc [Việt cộng] của họ trong giai đoạn này còn thể hiện ở chỗ có sự tranh luận quyết liệt, thậm chí sát hại nhau về việc Mỹ và Việt Nam có nên bình thường hoá quan hệ ngoại giao hay không? Những người Mỹ gốc Việt đề xướng bình thường hoá quan hệ ngoại giao hoặc thương mại Mỹ - Việt thường ở vào tình thế khó khăn. Chẳng hạn, tháng 8/1989, nhà hoạt động phản chiến nổi tiếng Đoàn Văn Toại đã bị bắn chết [3] do viết bài kêu gọi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ; ngày 28/5/1984, vợ chồng Nguyễn Văn Lũy à Phạm Thị Lư [ở San Francisco, CA. *NBT ghi chú*] là những người đề xuất mở rộng quan hệ thương mại với Việt Nam đã bị bắn, ông Lũy chỉ bị thương còn bà Lư thì chết. Vào cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, nhân lúc nền kinh tế Việt Nam bên bờ vực sụp đổ, nhiều người Việt ở Mỹ vẫn cho rằng không nên cứu chính quyền Đảng Cộng sản ở Hà Nội, trừ phi họ từ bỏ chủ nghĩa cộng sản.

Khi kết thúc Chiến tranh Lạnh và người Việt ngày càng hội nhập vào xã hội Mỹ, việc vận động chính trị của người gốc Việt tại Mỹ cũng dần dần chuyển hướng. Đến năm 1995 đã bước sang giai đoạn thứ hai khi Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ ngoại giao. Họ một mặt không phản đối quan hệ Việt - Mỹ, đặc biệt là bình thường hoá quan hệ thương mại, mặt khác vẫn đánh giá tiêu cực đối với thể chế chính trị, nhân quyền, dân chủ, và tự do tôn giáo trong nước Việt Nam. *Tâm lý phức tạp này dẫn đến họ ủng hộ sự phát triển quan hệ Việt - Mỹ, ủng hộ sự phát triển trong nước của Việt Nam, nhưng mặt khác lại đòi chính phủ Mỹ có biện pháp cứng rắn buộc Việt Nam phải cải thiện tình hình chính trị, nhân quyền, tự do tôn giáo....*

Mặc dù tự nhận là "dân tị nạn", nhưng những người Mỹ gốc Việt vẫn có tình cảm dân tộc mãnh liệt đối với quê hương. Nhiều người Việt mong muốn có thể quay trở lại Việt Nam sau khi nước này thực hiện dân chủ. Ví dụ, theo một điều tra dư luận người Mỹ gốc Việt ở Quận Cam, 62% người được hỏi mong muốn quay lại Việt Nam sau khi nước này có tự do dân chủ. Xuất phát từ tình cảm đối với quê hương, mặc dù vẫn thường nhấn mạnh tình hình nội bộ chính trị ở Việt Nam, người Mỹ gốc Việt dần dần không còn phản đối bình thường hoá quan hệ ngoại giao, cũng như sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước. Tuy nhiên, do các nguyên nhân như khả năng kinh tế và ý thức tham gia chính trị,

người Mỹ gốc Việt vẫn chưa ảnh hưởng nhiều đến việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Họ tin rằng xây dựng quan hệ ngoại giao có thể làm cho quan hệ kinh tế thương mại giữa hai nước được tăng cường, nhưng nhất định phải buộc nhà cầm quyền Việt Nam trả giá chính trị tương ứng, đó là phải cải thiện vấn đề nhân quyền, tôn giáo, dân chủ ở Việt Nam. Chẳng hạn, Chủ tịch Hiệp hội tội phạm chính trị Việt Nam [tên đích xác là "Hội Cự tù nhân Chính trị VN". *NBT ghi chú*] ở [tiểu] bang Connecticut cho rằng nền kinh tế kế hoạch hoá nhất định phải cần đến giải pháp đồng bộ về dân chủ ở Việt Nam. Một ví dụ khác đó là người Việt đầu tiên là Hạ nghị sĩ [Dân biểu. *NBT ghi chú*] Mỹ Joseph Cao [Quang Ánh] đã thể hiện tâm lý phức tạp khi đến thăm Việt Nam năm 2010. Ông tỏ ra vui mừng trước sự phát triển của Việt Nam, cho rằng mặc dù Việt Nam và Mỹ có nhiều bất đồng, "nhưng không có nghĩa là hai nước không thể hợp tác. Nhiều mong muốn của tôi không trùng hợp với chính phủ Việt Nam, nhưng tôi vẫn hy vọng hai nước có thể tiếp tục hợp tác".

Xuất phát từ sự quan tâm đối với quê hương, người Mỹ gốc Việt ủng hộ mạnh mẽ sự phát triển kinh tế trong nước. Hiện tượng này thể hiện rõ rệt nhất ở việc lượng kiều hối của Việt kiều tại Mỹ đều tập trung về Việt Nam và trở thành kênh quan hệ để Việt Nam giao lưu với Mỹ. Năm 1990, lượng kiều hối gửi về chỉ có 23 triệu USD, đến năm 1995 khi bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ đã tăng lên 285 triệu USD, gấp 12.4 lần. Tiếp đó, lượng kiều hối tiếp tục tăng nhanh chóng lên 5.5 tỷ USD vào năm 2007. [4] Để thúc đẩy lợi ích thương mại của Việt Nam tại Mỹ, đã có người kiến nghị Việt Nam nên tận dụng cơ chế vận động hành lang ở Mỹ, đặc biệt là thông qua lực lượng người Việt ở nước này. Thượng nghị sĩ Jim Webb là người chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các cuộc vận động chính trị của người Việt, cho rằng: "Mặc dù Việt Nam và Mỹ có bất đồng trong các vấn đề như nhân quyền, tôn giáo, tự do, nhưng Mỹ có hơn 2 triệu người Mỹ gốc Việt. Họ có thể làm cầu nối rất tốt giữa hai nước".

Dù vậy, người Việt tại Mỹ vẫn giữ thái độ tiêu cực đối với chế độ chính trị, nhân quyền, tự do tôn giáo ở Việt Nam. Họ thường yêu cầu chính phủ Mỹ khi trao cho Việt Nam lợi ích về kinh tế phải kèm theo điều kiện chính trị. Chẳng hạn, trước khi biểu quyết thông qua "Quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn" (PNTR, [viết] tắt cho Permanent Normal Trade Relations. *NBT ghi chú*) cho Việt Nam vào tháng 7/2006, trên tờ USA Today, hơn 50 tổ chức của người Việt ở Mỹ bao gồm "Đồng minh dân chủ Việt Nam" [đích thực là "Liên minh Dân chủ VN". *NBT ghi chú*], "Ủy ban tự do tôn giáo Việt Nam", "Hội đồng nhân quyền Việt Nam" [có lẽ ý muốn nói "Mạng Lưới Nhân Quyền VN". *NBT ghi chú*] đã công khai đăng bức thư gửi Tổng thống Bush và Quốc hội Mỹ, yêu cầu phía Mỹ quan tâm đến vấn đề nhân quyền, đưa ra những điều kiện tiên quyết cho PNTR, trong đó có thả tù nhân phạm tội về tôn giáo và chính trị, chấm dứt giam lỏng [chế độ quản chế. *NBT ghi chú*], cho phép và thừa nhận các hội độc lập, thực sự tự do báo chí.... Phần cuối của bức thư này kêu gọi: "Nếu chưa làm được những điều trên, đề nghị từ chối cấp PNTR cho chính quyền độc tài cộng sản Việt Nam". Đầu xuân năm 2007, do chính phủ Việt Nam bắt giữ một số nhân sĩ tôn giáo, do sự hối thúc của nhiều nhóm người Việt, Nhà Trắng và Bộ Ngoại giao Mỹ đã công khai phê phán Chính phủ Việt Nam. Tổng thống [George

W.] Bush và Phó Tổng thống [Dick] Cheney đã tổ chức cuộc gặp 45 phút với các tổ chức nhân quyền của người Việt ở Mỹ vào tháng 5/2007. [5] Hạ viện Mỹ đã thông qua nghị quyết lên án Việt Nam với tỷ lệ 404/404 phiếu thuận. Hạ nghị sĩ [Dân biểu] Earl Blumenauer thuộc Đảng Dân chủ, Trưởng ban liên lạc quốc hội Mỹ - Việt, cũng tuyên bố từ chức để phản đối việc làm của chính phủ Việt Nam. Trước khi Ngoại trưởng Hillary đến thăm Việt Nam vào tháng 7/2010, các Hạ nghị sĩ [ Dân biểu] như Loretta Sanchez, Barbara Boxer, Mel Martinez.... [đích thật hai vị sau này là Thượng nghị sĩ. *NBT ghi chú*] đều yêu cầu Hillary nhắc nhở vấn đề nhân quyền, tự do tôn giáo với chính phủ Việt Nam - trên thực tế Hillary đã làm như vậy.

Người Việt ở Mỹ có tâm lý phức tạp đối với quê hương của họ. Điều này đã dẫn đến tranh cãi trong nhiều vấn đề liên quan đến Việt Nam. Chẳng hạn, tháng 12/1998, một tiểu thương người Việt ở Little Saigon, [tiểu] bang California [tên Trần Trường. *NBT ghi chú*] đã treo tấm ảnh Hồ Chí Minh cỡ lớn và cờ đỏ sao vàng Việt Nam tại cửa hàng của mình, dẫn đến hoạt động biểu tình quy mô lớn trong một thời gian dài. Cuộc biểu tình này kéo dài 4 tháng, lúc đông nhất có hơn 15,000 người tham gia, diễn ra 53 ngày tại riêng cửa hàng của ông này, những người biểu tình yêu cầu ông chủ cửa hàng hạ ảnh Hồ Chí Minh và quốc kỳ [VNCS. *NBT ghi chú*] xuống. Nhưng ông ta nói đây là quyền tự do của ông và không chịu thực hiện. Ngoài ra, Tạp chí "Thời đại" [tức tờ TIME. *NBT ghi chú*] đã đăng bài viết về Hồ Chí Minh, coi cụ Hồ là chiến sĩ đấu tranh cho tự do, từng bị cầm tù. "Đảng Dân chủ Việt Nam" ở Mỹ đã viết thư gửi tạp chí này để phản đối và đòi sửa lại bài viết trên.

Mặc dù hiện nay còn khó đưa ra kết luận, nhưng cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2008 [6] dường như đã hé lộ tín hiệu thay đổi trong sự vận động chính trị của người Việt, bởi vì cơ cấu phiếu bầu của họ đã có dấu ấn thay đổi. Mặc dù nhìn chung sự ủng hộ của người Việt đối với Đảng Cộng hoà vẫn chưa thay đổi, nhưng đi sâu nghiên cứu sẽ phát hiện mạch ngầm phía sau: Một mặt, người Việt là nhóm dân tộc gốc Châu Á duy nhất ủng hộ John McCain, sự ủng hộ của họ đối với ông này cao gấp đôi so với Barack Obama. Mặt khác, số phiếu ủng hộ của người Việt trẻ sinh ra ở Mỹ đối với Obama lại lên tới 69%, số phiếu bầu của những người Việt tuổi từ 18-29 cũng lên tới 60%. Mặc dù hai nhóm người Việt này chỉ là thiểu số (chiếm 15% và 25%), nhưng họ lại là nhóm người chủ yếu trong tương lai. Ngoài ra, tính chất đảng phái của người Việt cũng thay đổi: Người Việt trên 45 tuổi muốn tham gia tranh cử nhiều hơn, chủ yếu đăng ký là người của Đảng Cộng hoà. Ngược lại, nhiều người Việt dưới 45 tuổi lại muốn đi theo Đảng Dân chủ hoặc ứng cử viên độc lập, tỷ lệ tham gia tranh cử bằng một nửa so với nhóm trên 45 tuổi.

### **3. Việc vận động chính trị của người Việt ở Mỹ với vấn đề tranh chấp Nam Hải (Biển Đông)**

Nhìn chung, do hạn chế bởi địa vị kinh tế và vai trò chính trị, ảnh hưởng của sự vận động chính trị của người Việt ở Mỹ không lớn, đặc biệt là so với người Mỹ gốc Do Thái hoặc gốc Cuba. Tuy nhiên, nếu xem xét từ góc độ vấn đề Trung Quốc, quan hệ Trung - Mỹ,

Trung - Việt, quan hệ Trung Quốc với các nước Đông Nam Á, thì sự vận động chính trị của người Mỹ gốc Việt khá quan trọng. Bởi vì, tuy họ còn thiếu tích cực và thiếu khả năng mở rộng vận động chính trị trong các vấn đề liên quan đến Việt Nam, nhưng họ lại là nhóm người vận động tích cực nhất trong các nhóm người gốc châu Á ở Mỹ về vấn đề Nam Hải và tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải giữa Trung Quốc với Việt Nam. Ảnh hưởng của họ càng nổi bật hơn khi Mỹ can dự toàn diện vào tranh chấp Nam Hải năm 2010.

Người Việt ở Mỹ quan tâm đến vấn đề Nam Hải từ lâu. Ngày 19/4/1958 [Sai, lẽ ra phải là ngày 14/9/1958. *NBT ghi chú*], Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng đã gửi công hàm cho Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai công nhận Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) là của Trung Quốc. Ngay vào thời điểm đó, những người Việt đang công tác tại Bộ Ngoại giao Mỹ đã nhanh chóng công bố cho người Việt ở Mỹ bản photo "Báo Nhân dân" [đích xác phải là "báo Nhân Dân". *NBT ghi chú*] của Việt Nam. Sự việc này ngay lập tức đã gây ra sự phản đối quyết liệt của người Mỹ gốc Việt ở Mỹ, họ gọi hành động này của chính phủ Việt Nam là "bán nước". Sau này, vấn đề tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và Việt Nam đã trở thành một vấn đề quan trọng của người Việt ở Mỹ.

Mặc dù nội bộ người gốc Việt có nhiều bất đồng lớn về thái độ đối với Việt Nam, nhưng [họ] đều nhất trí cao về việc "bảo vệ tài sản của tổ tiên để lại", không dâng cho Trung Quốc. Đúng như có học giả đã chỉ rõ: Về mặt bảo vệ "tài sản của tổ tiên", thái độ của người Việt ở nước ngoài là mạnh mẽ nhất. Đa số họ là kẻ lưu vong trong thập niên 70 của thế kỷ XX, có tâm lý chống đối quyết liệt chính phủ Việt Nam. Họ không có cảm tình gì với lịch sử Trung Quốc giúp Việt Nam chiến thắng hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ, giành được độc lập cho đất nước, giải phóng dân tộc. Họ vốn quen tiếp nhận quan niệm giá trị của phương Tây, luôn cao giọng nhất trong vấn đề Tây Sa và Nam Sa, không những đòi chủ quyền đối với hai quần đảo này, họ còn đòi chủ quyền toàn bộ Nam Hải.

Trong những năm 1991-1993 sau Chiến tranh Lạnh, trong tình hình Mỹ đi đầu cấm vận đối với Trung Quốc, một số người Việt đã nhìn thấy cơ hội té nước theo mưa về vấn đề Nam Hải, cố sức xây dựng "Tổng Hội người Việt Nam ở nước ngoài" [đích xác là "Tổng liên hội Người Việt Tự Do," đã họp ở Canada và Washington, DC. *NBT ghi chú*]. Sau khi nỗ lực đó bị thất bại, từ năm 1995-2000, họ đã bốn lần tổ chức hội nghị trừ bị [có lẽ tác giả muốn nói đến 4 lần Hội nghị Liên kết họp ở Virginia, Quận Cam, Milpitas Bắc Cali, và Washington, DC. *NBT ghi chú*], có ý đồ xây dựng một mặt trận dân tộc bảo vệ "quần đảo Trường Sa". Để phối hợp với tâm lý dân tộc ngày càng lên cao ở trong nước xung quanh vấn đề Trường Sa, họ đã lần lượt tổ chức hai lần "Đại hội bảo vệ lãnh thổ" [đích xác là "Hội nghị Diên Hồng hải ngoại bảo toàn lãnh thổ". *NBT ghi chú*] vào năm 2002 và 2005. Thậm chí, họ đã tổ chức biểu tình bên ngoài Lãnh sự quán Trung Quốc ở Houston. Đương nhiên, những tổ chức này cũng ủng hộ hành động ở trong nước phản đối chính phủ Việt Nam "bán nước", dâng lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc, đặc biệt là ủng hộ những hoạt động nhiều lần biểu tình trái phép ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổ chức người Việt ở Mỹ có ảnh hưởng lớn nhất đối với chính sách của Mỹ về vấn đề Nam Hải là "Hiệp hội người Việt ở hải ngoại" (?). Tổ chức này đã vận động chính trị thông qua đề xuất chính sách một cách rộng rãi, cung cấp tiền cho các nghị sĩ tranh cử, gặp mặt các nghị sĩ và đã thu được hiệu quả khá rõ rệt.... Ví dụ, tháng 11/2003, trong lúc diễn ra chuyến thăm Mỹ của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam Phạm Văn Trà, tổ chức này đã gửi một kiến nghị cho Bộ Ngoại giao Mỹ, [7] hoan nghênh sự phát triển tích cực của quan hệ Việt - Mỹ. Tuy nhiên, họ cho rằng phải quan tâm toàn diện: Về lý luận, tính chất của hai chính quyền vẫn khác biệt về bản chất, Việt Nam vẫn là một quốc gia một đảng chuyên chế; hai nước vẫn còn tồn tại bất đồng lớn trong các vấn đề như nhân quyền, tự do tôn giáo, quyền chính trị của công dân.... Bản kiến nghị ấy cũng cho rằng mục đích chuyến thăm của Phạm Văn Trà phần nhiều không phải là phát triển quan hệ song phương mà là phối hợp kiềm chế Trung Quốc. Thượng nghị sĩ Jim Webb, Chủ tịch Tiểu ban Đông Á và Thái Bình Dương thuộc Ủy ban Đối ngoại của Thượng viện Mỹ đã từng trải qua cuộc chiến tranh Việt Nam cho rằng Việt Nam và Hoa Kỳ là bạn bè tự nhiên. Việt Nam có ý nghĩa chiến lược đối với Mỹ, sự có mặt của Mỹ ở Việt Nam là vô cùng quan trọng. Chính sách ngoại giao cân bằng nước lớn của Việt Nam hết sức quan trọng đối với việc tăng cường quan hệ Việt - Mỹ, cũng hết sức quan trọng đối với việc ổn định khu vực Đông Nam Á và Nam Hải. Tháng 7/2009, Jim Webb đã chủ trì một cuộc điều trần về "Vấn đề chủ quyền và tranh chấp trên biển ở Đông Á". Bài phát biểu của ông ta đã ảnh hưởng rõ rệt đến những người Việt ở Mỹ. Khi đề cập đến vấn đề Trung Quốc bắt giữ các ngư dân Việt Nam, ông nói: "Những tranh chấp này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quốc gia khác trong khu vực, chỉ Mỹ mới có đủ khả năng và biện pháp chống lại sự mất cân bằng sức mạnh do Trung Quốc gây ra. Nếu Mỹ muốn duy trì sự cân bằng địa chính trị trong khu vực, bảo đảm sự công bằng cho tất cả các quốc gia, bảo vệ tiếng nói của những quốc gia muốn giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình, thì Mỹ phải có nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ này". Sau một tháng, trong thời gian thăm Việt Nam, Jim Webb một lần nữa nhấn mạnh Mỹ phải giúp Việt Nam đối trọng với Trung Quốc".

Năm 2009 là năm người Việt ở Mỹ vận động chính trị tích cực nhất xung quanh vấn đề Nam Hải. Điều này ảnh hưởng quan trọng đến chính sách của Mỹ xung quanh vấn đề Nam Hải năm 2010. Tháng 4/2009, các tổ chức như "Đại hội toàn quốc người Việt" [tức Nghị hội. *NBT ghi chú*], "Tiếng nói người Mỹ gốc Việt" ["Voice of Vietnamese Americans" trong tiếng Anh. *NBT ghi chú*], đã gặp Jim Webb và bày tỏ quan điểm của họ đối với vấn đề chủ quyền quần đảo Nam Sa [tức Trường Sa. *NBT ghi chú*], đồng thời yêu cầu ông ta hãy lên tiếng thay cho Việt Nam. Tháng 7/2009, khi Đại sứ Mỹ ở Việt Nam Michael Michalak về Mỹ công tác, những người thuộc các tổ chức trên cũng đã đến gặp ông này. Khi đề cập đến vấn đề Nam Hải, ông nói: "Mỹ không thể đứng về bên nào", mà sẽ theo đuổi một "phương pháp giải quyết mang tính khu vực".

Tháng 12/2009, "Đại hội toàn quốc người gốc Việt" [Nghị hội] và một số tổ chức của người Việt khác đã gặp 6 nghị sĩ Đảng Dân chủ trong quốc hội (bao gồm Sam Brownback, Chris Smith, Ed Royce, Zoe Lofgren, Frank Wolf, Mike Honda). [8] Mặc dù

mục đích chính của cuộc gặp là thảo luận vấn đề nhân quyền của Việt Nam, nhưng cũng thảo luận về vấn đề tranh chấp Nam Hải. Tháng 6/2010, "Đại hội toàn quốc người Việt" [Nghị hội] một lần nữa cử đại diện đến vận động chính trị ở quốc hội, gặp gỡ 6 nghị sĩ trên và Ủy ban đối ngoại của Thượng viện Mỹ. Sứ mệnh chủ yếu của cuộc gặp này là để hoàn chỉnh "phương án giải quyết vấn đề Nam Hải". Nội dung chủ yếu bao gồm: *[1]* Thống nhất tên gọi quốc tế khu vực Nam Hải là "Biển Đông Nam Á" *[9]* để thuận lợi hơn khi thảo luận vấn đề này; *[2]* Tổ chức một cuộc thảo luận giữa các học giả quốc tế và Việt Nam, thống nhất quan điểm, lập trường và chính sách của Việt Nam trong vấn đề Biển Đông; *[3]* Tổ chức hội nghị quốc tế bao gồm các đại diện của các nước có lợi ích ở Biển Đông - trừ Trung Quốc, để cùng "ngăn chặn hành động bá quyền của Trung Quốc" ở khu vực này; địa điểm tổ chức hội nghị có thể lựa chọn Đông Nam Á hoặc Nhật Bản. Sau khi lắng nghe phương án này, hai thượng nghị sĩ là thành viên chủ yếu của Ủy ban đối ngoại Thượng viện Mỹ đã ủng hộ nhiệt tình. Họ nói: "Các nước Đông Nam Á đều yêu cầu Mỹ đứng về phía họ.... Tuy nhiên, điều này làm cho chúng ta không thể đứng về bên nào. Có được một phương án toàn diện như các ngài nêu ra thì Mỹ mới có thể sẵn sàng ủng hộ".

Do Việt Nam đảm nhiệm chức Chủ tịch luân phiên ASEAN năm 2010 nên vận động chính trị của người Việt ở Mỹ xung quanh vấn đề Nam Hải lại càng tích cực. Trong đó, tổ chức nổi bật hơn cả là "Hội Người Việt ở Bắc California". Ngày 20/5/2010, trước khi Ngoại trưởng Hillary [Clinton] đến thăm Việt Nam tham dự Diễn đàn khu vực Đông Nam Á [ARF, tắt cho ASEAN Regional Forum. *NBT ghi chú*], tổ chức này đã kiến nghị Bộ Ngoại giao và bà Hillary, mong muốn Mỹ giúp đỡ các ngư dân Việt Nam bị Trung Quốc bắt, lên án hải quân Trung Quốc và quan tâm đến tình hình Nam Hải. Sau khi Hillary lên tiếng can dự vào Nam Hải tháng 7/2010, tổ chức này đã viết thư cho bà ta, trong thư có đoạn bày tỏ "cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất", đồng thời mong muốn Bộ Ngoại giao Mỹ tiếp tục quan tâm đến vấn đề này.

Cuộc vận động chính trị của người Việt ở Mỹ trong vấn đề tranh chấp Nam Hải đã mang lại hiệu quả rộng lớn. Điều này không những thể hiện trong tuyên bố của bà Hillary rằng Nam Hải liên quan đến "lợi ích quốc gia", đồng thời yêu cầu thông qua diễn đàn đa phương để giải quyết tranh chấp ở khu vực này mà còn thể hiện trong việc họ đã động viên các nhóm dân tộc khác ở Mỹ tác động lên Quốc hội Mỹ và các bên tranh chấp Nam Hải. Ví dụ, Thượng nghị sĩ Jim Webb vốn luôn ủng hộ các yêu cầu của người Việt ở Mỹ, một lần nữa lại đến thăm Việt Nam vào trung tuần tháng 4/2011. Trong thời gian chuyến thăm, ông ta không những nói về tranh chấp Nam Hải mà còn mở rộng nội dung sang vấn đề xây dựng đập thủy điện lớn trên sông Mê Công. Một ví dụ khác là tính đến nay, nhiều người Mỹ gốc Indonesia [*Nam Dương*], Mã Lai, Philippine... đã ký tên đòi đổi tên gọi Nam Hải thành "Biển Đông Nam Á" theo đề xuất của "Đại hội toàn quốc của người Việt ở hải ngoại" [Nghị hội? *NBT ghi chú*]. Do đó, có thể nhận thấy rất rõ ràng mặc dù Mỹ có chính sách mang tính hệ thống, nhưng việc vận động chính trị của người Việt xung quanh vấn đề Nam Hải có liên quan chặt chẽ đến căng thẳng trong quan hệ Trung - Mỹ, Trung - Việt, Trung Quốc - ASEAN về vấn đề Nam Hải.

Đương nhiên, cũng cần thấy rằng, trong số người Mỹ gốc Việt cũng có một bộ phận nhỏ có vai trò tích cực trong việc hạn chế những nỗ lực vận động hành lang của tổ chức như "Đại hội toàn quốc người [Mỹ] gốc Việt" [Nghị hội. *NBT ghi chú*], đó là "Người Mỹ gốc Việt trung". Như đã phân tích ở trên, nhiều người Việt ở Mỹ có gốc gác là người Hoa. Do đó, họ phải xác lập sự đồng thuận phức tạp hơn so với những nhóm người chỉ có một tổ quốc. Người Việt gốc Hoa đều có tình cảm với Việt Nam và Trung Quốc, do đó, họ không muốn thấy quan hệ hai nước xấu đi, hoặc các nhân tố khác làm mối quan hệ này xấu đi. Do đó, sự lựa chọn của họ thường là làm cầu nối giữa người Việt với người Việt gốc Hoa, tìm cách lấy khuôn khổ rộng lớn hơn là người Mỹ gốc châu Á để hoà giải và điều chỉnh hành động chính trị giữa người [Mỹ] gốc Việt và người Việt gốc Hoa. Trong đó, tổ chức nổi tiếng là "Ủy ban hành động chính trị của người Mỹ gốc Hoa Việt - Lào - Campuchia" [IAPAC, tức Indochinese American Political Action Committee. *NBT ghi chú*]. Tổ chức này do người Việt gốc Hoa, người Lào gốc Hoa, và người Campuchia gốc Hoa ở Mỹ thành lập năm 2000. Họ động viên người Việt, người Lào, người Campuchia gốc Hoa tham gia vào nền chính trị Mỹ ở tầm rộng lớn hơn. Do lý lịch đa quốc gia của các thành viên, IAPAC có mục tiêu chủ yếu là đoàn kết người Hoa từng sống ở những quốc gia khác nhau, không vì lợi ích nhỏ hẹp của từng nhóm người. Từ khi thành lập năm 2000 đến nay, tổ chức này đã quyên góp thành công để ủng hộ rất nhiều ứng cử viên chính trị như: Các Hạ nghị sĩ [Dân biểu] Judy Chu (Đảng Dân chủ, [tiểu] bang California), Adam Schiff (Đảng Dân chủ, [tiểu] bang California) và một số dân biểu [thuộc tiểu] bang California như Mike Eng, Trần [Thái] Văn, Nguyễn Phó (LS. Nguyễn Văn Phó?).... Do nỗ lực của những tổ chức trên của nhóm người Việt gốc Hoa, ảnh hưởng của người [Mỹ] gốc Việt ở Mỹ trong vấn đề tranh chấp Nam Hải cũng bị hạn chế nhất định.

#### 4. Kết luận

Sự vận động mang đặc điểm chính trị trong nội bộ nước Mỹ đang ngày càng được các tổ chức của những nhóm dân tộc ít người vận dụng thành thạo. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là ảnh hưởng của các cuộc vận động này thường không chỉ hạn hẹp đối với quê hương của họ. Như đã phân tích trong bài viết này, do đặc điểm của quá trình di dân, địa vị kinh tế, và quá trình tham gia chính trị, người [Mỹ] gốc Việt ở Mỹ có đặc điểm vận động chính trị chống lại tổ quốc trước khi hai nước bình thường hoá quan hệ vào năm 1995, nhưng diễn biến tình hình sau đó phức tạp hơn. Một mặt, họ không phản đối, thậm chí là ủng hộ sự phát triển quan hệ thương mại giữa hai nước, mặt khác lại có ý đồ gắn kèm theo một số điều kiện chính trị. Do tâm lý phức tạp trên, ảnh hưởng của các cuộc vận động chính trị của người [Mỹ] gốc Việt đến chính sách của Mỹ đối với Việt Nam bị hạn chế nhiều.

Tuy vậy, không thể vì thực tế trên mà coi thường các cuộc vận động chính trị của họ. Bởi vì, ảnh hưởng của họ rất quan trọng đối với tranh chấp Nam Hải. Ngoài người Việt gốc Hoa, đa số người [Mỹ] gốc Việt đều nhất trí phản đối Việt Nam "nhượng bộ" Trung Quốc. Ngoài ra, họ còn có ý đồ vận động chính phủ Mỹ phát huy vai trò tích cực hơn trong tranh chấp Nam Hải, có ý đồ đưa ra "phương án giải quyết toàn diện" vấn đề này.

Ảnh hưởng sâu rộng hơn, đáng quan tâm hơn là những nỗ lực của họ có thể động viên dân di cư gốc Đông Nam Á đang sinh sống tại Mỹ hành động về quyền lợi của quê hương họ ở Nam Hải, dẫn đến quốc tế hoá tranh chấp Nam Hải, đồng thời tranh chấp Nam Hải trở thành công việc của nội bộ nước Mỹ./.

(Người Biên Tập - NBT)

### Chú thích

[1] Tác giả bài báo đang muốn nói đến tổ chức "Americans Friends of Vietnam" (AFV) là một tổ chức vận động hành lang dưới thời Đế Nhất Cộng Hoà, được tài trợ một phần bởi chính quyền Ngô Đình Diệm.

[2] Một đặc điểm của bài nghiên cứu này là không đưa được ra tên chính thức của các tổ chức người Mỹ gốc Việt. Lý do gần như chắc chắn là tại vì các tác giả của bài viết đã phải dịch từ các nguồn tin bằng tiếng Anh nên họ đã không biết tên thật của các tổ chức của người Việt hải ngoại. Vì vậy nên chúng tôi đã cố gắng cung cấp các tên chính thức này cho người đọc có thể nhận diện được dễ dàng các tổ chức được nhắc đến trong bài báo.

[3] Thông tin này không chính xác. Ông Đoàn Văn Toại chỉ bị bắn trọng thương, sau đó đã phục hồi.

[4] Theo một nguồn tin chính thức thì tiền kiều hối gửi về trong nước đã lên đến gần 10 tỷ đô la (9.6 tỷ) trong năm 2011. Tuy nhiên, phải biết là chỉ khoảng hơn nửa số tiền này là do người Việt ở Mỹ gửi về, chỗ còn lại có những nguồn như từ Âu châu, Úc châu, và nhất là từ Đông Âu và Liên bang Nga.

[5] Trong cuộc gặp gỡ này, Tổng thống Bush và Phó tổng thống Dick Cheney đã gặp các ông Lê Minh Nguyên (Mạng Lưới Nhân Quyền VN), ông Đỗ Hoàng Diễm (Đảng Việt Tân), ông Đỗ Thành Công (Đảng Dân Chủ Nhân Dân) và BS. Nguyễn Văn Ngãi (Đảng Dân Chủ VN). G.S. Đoàn Viết Hoạt (IIV, tức International Institute for Vietnam) có được mời nhưng không tham dự.

[6] Đây là một bằng chứng bài viết do nhiều người phác thảo xong được gom lại. Vì thế nên nếu đoạn cuối bài nói đến những sinh hoạt cập nhật hơn thì đoạn này còn đang nói về cuộc chạy đua vào Toà Bạch Ốc năm 2008.

[7] Tương cũng nên nhắc là trước khi bà cho ông Phạm Văn Trà đến gặp, nữ Dân biểu Nancy Pelosi, lúc bấy giờ là Chủ tịch Hạ viện Mỹ, đã có cuộc gặp gỡ trước để trao đổi với một phái đoàn của người Mỹ gốc Việt gồm Pháp sư Thích Giác Đức thuộc Văn phòng II, Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, ông Nguyễn Ngọc Bích đại diện cho Nghị hội, và ông Đỗ Hoàng Diễm, chủ tịch đảng Việt Tân.

[8] Trong số những nhân vật này chỉ có một người là Thượng nghị sĩ, ông Sam Brownback thuộc Đảng Cộng hoà, còn năm vị kia đều là Dân biểu, hai người thuộc Đảng Dân chủ (Zoe Lofgren và Mike Honda) còn ba người thuộc Đảng Cộng hoà (Chris Smith, Ed Royce, và Frank Wolf).

[9] Cuộc vận động đổi tên Biển Đông hay Nam hải thành một tên quốc tế là "Biển Đông nam Á" (Southeast Asia Sea) chính thật là một sáng kiến của Nguyễn Thái Học Foundation đã được đưa lên Petition on Line trên Mạng Lưới Toàn Cầu. Tính đến nay, sáng kiến này đã thu hút được 54 nghìn chữ ký đến từ trên 100 quốc gia trên thế giới, gồm rất nhiều người ký tên gốc Đông nam Á. Nghị hội vì đồng ý với cuộc vận động này nên cũng đã mang lên vận động trên Quốc hội Hoa kỳ và lấy được sự đồng tình của không ít dân biểu nghị sĩ Mỹ trong vấn đề này.

(\*): **Lời bàn:** Người dân Việt Tị Nạn Cộng sản **không phải là người "phản quốc"**, trái lại họ là những người chống "Cộng sản", hay Việt cộng, họ là những người Quốc gia yêu nước thật sự vì họ là những con người Việt chính thống, họ là những người chân chính, và họ là những người dân của hai Chính phủ Việt Nam Cộng Hoà đã được toàn thế giới công nhận. Để chứng minh họ là những người con yêu quý của Tổ quốc VN, ta hãy tưởng nhớ lại lịch sử trận đánh tại đảo Hoàng Sa vào năm 1974 khi mà Quân đội miền nam nước Việt Nam Cộng Hoà dám đứng lên đuổi quân Tàu cộng ngang ngược chiếm hải đảo HS của VN, thì cái gọi là Quân đội Nhân dân thuộc miền bắc nước VN lúc bấy giờ đã không dám trợ tay, thậm chí cả một lời tâm tình để ủng hộ tinh thần chiến đấu quật cường của anh em miền nam cũng không có, **ngược lại tên Thủ tướng VC Phạm Văn Đồng (Đông vêu) lại còn lếu láo ký công hàm trao biển đảo cho địch quân Tàu cộng!** Như vậy thì mọi

người đều đã rất tỏ tường rồi chứ còn thắc mắc làm gì nữa kia: **Ai là kẻ “Phản quốc” đây? Chính là nó! Là tên VC bán nước cầu vinh đấy!**

Họ (Người dân Việt Tị Nạn Cộng sản) rời bỏ nước Việt Nam không phải vì tâm lý “sợ hãi” bị hãm hại... mà là một kinh nghiệm xương máu có thật, kinh nghiệm này thật sự đã xảy ra trên đất bắc nước VN ta, cha ông họ đã bị đầu tở đến chết ở miền bắc nước VN khi tên Quốc tặc Hồ Chí Minh cướp chính quyền và áp đặt chủ nghĩa Cộng sản trên toàn đất bắc. Một trong những chính sách tàn ác nhất mà HCM đem về VN để áp dụng đó là chương trình **Cải Cách Ruộng Đất** do Mao Trạch Đông của Trung cộng phát động tại Trung hoa lục địa. Chính sách **CCRĐ** đã sát hại rất nhiều đồng bào vô tội của cả hai nước Việt-Trung, gây nên bao đau thương cho triệu triệu sinh linh, nhất là những người dân hiền lành VN lúc bấy giờ. Chưa hết, tết Mậu thân 1968 HCM đã nhấn tâm xua quân vào nam giết hại hàng ngàn hàng vạn đồng bào miền nam vô tội trong lúc họ đang cử hành ngày Tết Nguyên đán linh thiêng của dân tộc. Những tên VC khát máu đã không ngừng tại đó mà chúng còn tiếp tục gieo tang thương chết chóc cho đồng bào miền nam vào mùa hè đỏ lửa 1972. Và sau khi chiếm được miền nam ngày 30 tháng Tư, năm 1975, thay vì bắt tay hòa hiệp với người anh em ngã ngựa, bọn VC gian ác lại bắt bỏ tù quân cán chính miền nam, đẩy họ đến chết trong các trại lao tù khủng khiếp nhất thế giới, đẩy người dân miền nam lên các vùng rừng núi hoang vu nước độc gọi là Vùng Kinh Tế Mới, phát động các chính sách đối tiền để bản cùng hóa nước VN ta, cướp sạch sẽ tài sản của miền nam đem ra miền bắc xài, v.v.. Tội của HCM và VC cao hơn núi Thái sơn, và nhiều quá, kể mãi không hết! [Bấm vào đây để xem thêm](#).... Cả thế giới đã kinh tởm và khinh khi VC và bọn CS Quốc tế! **Người ta sợ VC quá đến nỗi trong dân gian VN đã có câu: nếu cây cột đèn biết đi nó cũng phải chạy trốn khỏi thiên đường VC thôi!**

Nói tóm lại: người VN sợ và kinh tởm bọn VC là có thật 100%, không phải là lý do “tâm lý” như tác giả bài trên đã mô tả về “lý do người Việt phải rời bỏ quê hương mình...”.

**BKT**

---

Nguồn: Internet E-mail by Nguyễn Quang Duy chuyển

Đăng ngày Thứ Sáu, January 20<sup>th</sup>, 2012  
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QL-VNCH